TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI
Bản án số: 130/2023/HS - ST
Ngày: 16/8/2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: bà **Nguyễn Thị Xuân Hồng**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Bắc.

2. Ông Quách Đình Hoằng.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông ***Diệp Bảo Kiệt*** - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Pleiku.

- *Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa*: Bà ***Lương Thị Thái Bình*** - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân TP.Pleiku, Gia Lai.

Ngày 16/8/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 113/2023/HSST ngày 14/7/2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2023/QĐXXST – HS ngày 25 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

PHẠM THỊ N. Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1982, tại Hà T.
Nơi đăng ký HKTT: thôn Tân, xã Ia S, huyện Ia G, G.
Chỗ ở: tổ 2, phường T, TP.P, G.
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.
Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm thuê.
Cha: Phạm Công K (đã chết).
Mẹ: Đoàn Thị N; sinh năm: 1957. Hiện trú tại thôn Tân L, xã I, huyện I, G.
Bị cáo có 03 người anh, chị em ruột; lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1988. Bị cáo là con thứ hai trong gia đình, chồng Trần Thanh T, sinh năm 1975 (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2007.
Tiền sự; Tiền án: Không.
Bị cáo Phạm Thị N bị tạm giữ từ ngày 02/4/2023 đến ngày 11/4/2023, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an TP.P, có mặt tại phiên tòa.

*Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị N, ông Vũ Đình N - Luật sư Văn phòng Luật sư Hà T – Đoàn Luật sư tỉnh G bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu của bị cáo, có mặt tại phiên tòa.

**** Người bị hại:***

- Chị Trần Thị Thu T, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: 40C Phan Đình P, tổ 2, phường Y, TP.P, tỉnh G, Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**** Người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

- Anh Phạm Dũng T, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: 26 Hoàng Văn T, tổ 2, phường D, TP.P, G, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chị Huỳnh Thị Diễm T, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: 47b Nguyễn T, tổ 1, phường Y, TP.P, G, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Hoàng Ngọc M, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: 100 Trần P, tổ 2, phường D, TP.P, G, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chị Phạm Thị Y, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Thôn Tân L, xã I, huyện I, tỉnh G, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2018, Phạm Thị N làm giúp việc, trông coi nhà cho gia đình bà Trần Thị Thu T (sinh năm 1990, trú số 40C đường Phan Đình P, Tổ 2, phường T, TP.P, tỉnh G; là chủ hiệu vàng Kim V tại địa chỉ trên); quá trình làm giúp việc, N ở lại tại nhà bà T. N khai: Khoảng đầu tháng 01/2023, N phát hiện bà T để quên chìa khóa tủ trưng bày vàng ở trên bàn, nên lấy chìa khóa trên mang đến thuê ông Nguyễn Quang T (sinh năm 1959, trú Tổ 5, phường Hội T, TP.P – là người làm nghề sửa, cắt chìa khoá tại vỉa hè đường Lê L, TP.P) cắt thêm 01 chìa khóa khác với giá 10.000 đồng rồi cất giấu trong người, mục đích khi có cơ hội thì sẽ lén lút mở tủ để chiếm đoạt vàng của bà T. Trong thời gian làm việc và ở tại nhà bà T, N theo dõi và biết vị trí công tắc điện, các vị trí đặt camera của hệ thống camera an ninh tại cửa hàng vàng. Từ tháng 01/2023 (không xác định chính xác ngày) đến ngày 02/4/2023, lợi dụng thời gian sáng sớm lúc bà T và gia đình chưa ngủ dậy, N đã lén lút tắt hệ thống điện camera an ninh, dùng chổi quét mạng nhện che mắt camera phụ, rồi sử dụng chìa khoá đã cắt sẵn mở tủ trưng bày vàng, thực hiện 11 lần chiếm đoạt tài sản của bà T, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Sáng sớm một ngày giữa tháng 01/2023 (không xác định chính xác ngày), Phạm Thị N lén lút mở tủ, chiếm đoạt 01 (một) nhẫn kim tiền bằng vàng 18K, trọng lượng 03 phân của bà Trần Thị Thu T. Sau đó, N mang nhẫn đến hiệu vàng Hoàng K (số 26 đường Hoàng Văn T, Tổ 2 phường D, TP.P) bán cho ông

Phạm Dũng T (sinh năm 1991, là quản lý hiệu vàng) được 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng) sử dụng tiêu xài. Quá trình điều tra vụ án, ông T không xác định được có mua nhẫn vàng do N mang đến bán hay không, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được vật chứng. Qua định giá, xác định nhẫn vàng của bà T bị N chiếm đoạt nêu trên có trị giá 1.140.000 đồng (một triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).

Lần thứ hai: Khoảng cuối tháng 01/2023 (không xác định chính xác ngày), với thủ đoạn như lần trước, Phạm Thị N lén lút chiếm đoạt của bà Trần Thị Thu T 01 (một) dây chuyền dạng mắt xích bằng vàng 18K, khối lượng 1,6 chỉ, rồi mang đến hiệu vàng Hoàng K bán cho ông Phạm Dũng T được 4.800.000 đồng sử dụng tiêu xài. Quá trình điều tra vụ án, ông T không xác định được có mua dây chuyền vàng do N mang đến bán hay không, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được vật chứng. Qua định giá, xác định dây chuyền vàng của bà T bị N chiếm đoạt nêu trên có trị giá 6.080.000 đồng (sáu triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

Lần thứ ba: Khoảng cuối tháng 01/2023 (không xác định chính xác ngày), với thủ đoạn như các lần trước, Phạm Thị N lén lút chiếm đoạt của bà Trần Thị Thu T 02 nhẫn cưới tròn bằng vàng 18K, mặt có đính hạt đá màu trắng, gồm 01 (một) nhẫn có khối lượng 05 phân và 01 nhẫn có khối lượng 06 phân, rồi mang đến hiệu vàng Hoàng K bán cho ông Phạm Dũng T được 3.300.000 đồng sử dụng tiêu xài. Quá trình điều tra vụ án, ông T không xác định được có mua nhẫn vàng do N mang đến bán hay không, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được vật chứng. Qua định giá, xác định 02 nhẫn cưới bằng vàng của bà T bị N chiếm đoạt nêu trên có trị giá 4.180.000 đồng (bốn triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

Lần thứ tư: Khoảng cuối tháng 01/2023 (không xác định chính xác ngày), với thủ đoạn như các lần trước, Phạm Thị N lén lút chiếm đoạt của bà Trần Thị Thu T 01 (một) nhẫn tròn, trơn bằng vàng 24K, khối lượng 01 chỉ, rồi mang đến hiệu vàng Vinh T (số 47B đường Nguyễn T, Tổ 1, phường Y, TP.P) bán cho bà Huỳnh Thị Diễm T (sinh năm 1980, là quản lý hiệu vàng) được 5.080.000 đồng sử dụng tiêu xài. Quá trình điều tra vụ án, bà T không xác định được có mua nhẫn vàng do N mang đến bán hay không, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được vật chứng. Qua định giá, xác định 01 nhẫn tròn bằng vàng của bà T bị N chiếm đoạt nêu trên có trị giá 5.200.000 đồng (năm triệu hai trăm nghìn đồng).

Lần thứ năm: Khoảng đầu tháng 02/2023 (không xác định chính xác ngày), với thủ đoạn như các lần trước, Phạm Thị N lén lút chiếm đoạt của bà Trần Thị Thu T 01 (một) đôi hoa tai bằng vàng 18K, khối lượng 05 phân, dạng tròn, trơn, có nút bấm, rồi mang đến hiệu vàng Hoàng K bán cho ông Phạm Dũng T được 1.500.000 đồng sử dụng tiêu xài. Quá trình điều tra vụ án, ông T không xác định được có mua hoa tai vàng do N mang đến bán hay không, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được vật chứng. Qua định giá, xác định đôi hoa tai bằng vàng của bà T bị N chiếm đoạt nêu trên có trị giá 1.900.000 đồng (một triệu chín trăm nghìn đồng).

Lần thứ sáu: Vào tháng 02/2023 (không xác định chính xác ngày), với thủ đoạn như các lần trước, Phạm Thị N lén lút chiếm đoạt của bà Trần Thị Thu T 01 (một) nhẫn tròn, trơn, bằng vàng 24K, khối lượng 01 chỉ, rồi mang đến hiệu vàng Vĩnh T (số 100 đường Trần P, Tổ 2, phường D, TP.P) bán cho ông Hoàng Ngọc M (sinh năm 1971, là chủ hiệu vàng) được 5.180.000 đồng sử dụng tiêu xài. Quá trình điều tra vụ án, ông M không xác định được có mua nhẫn vàng do N mang đến ban hay không, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được vật chứng. Qua định giá, xác định nhẫn vàng của bà T bị N chiếm đoạt nêu trên có trị giá 5.200.000 đồng (năm triệu hai trăm nghìn đồng).

Lần thứ bảy: Vào tháng 02/2023 (không xác định chính xác ngày), với thủ đoạn như các lần trước, Phạm Thị N lén lút chiếm đoạt của bà Trần Thị Thu T 01 (một) nhẫn tròn bằng vàng 18K, có mặt hơi lồi, khối lượng 01 chỉ, rồi mang đến hiệu vàng Vĩnh T bán cho ông Hoàng Ngọc M được 5.180.000 đồng sử dụng tiêu xài. Quá trình điều tra vụ án, ông M không xác định được có mua nhẫn vàng do N mang đến bán hay không, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được vật chứng. Qua định giá, xác định nhẫn vàng của bà T bị N chiếm đoạt nêu trên có trị giá 3.800.000 đồng (ba triệu tám trăm nghìn đồng).

Lần thứ tám: Vào đầu tháng 3/2023 (không xác định chính xác ngày), với thủ đoạn như các lần trước, Phạm Thị N lén lút chiếm đoạt của bà Trần Thị Thu T 01 (một) lắc đeo tay bằng vàng 18K, dạng móc tròn viên bi, khối lượng 01 chỉ, rồi mang đến hiệu vàng Vĩnh T bán cho ông Hoàng Ngọc M được 3.000.000 đồng sử dụng tiêu xài. Quá trình điều tra vụ án, ông M không xác định được có mua lắc vàng do N mang đến bán hay không, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được vật chứng. Qua định giá, xác định lắc vàng của bà T bị N chiếm đoạt nêu trên có trị giá 3.800.000 đồng (ba triệu tám trăm nghìn đồng).

Lần thứ chín: Vào giữa tháng 3/2023 (không xác định chính xác ngày), với thủ đoạn như các lần trước, Phạm Thị N lén lút chiếm đoạt của bà Trần Thị Thu T 01 (một) nhẫn tròn bằng vàng 24K, loại nhẫn trơn, khối lượng 05 phân, rồi mang đến hiệu vàng Vĩnh T bán cho ông Hoàng Ngọc M được 2.600.000 đồng sử dụng tiêu xài. Quá trình điều tra vụ án, ông M không xác định được có mua nhẫn vàng do N mang đến bán hay không, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được vật chứng. Qua định giá, xác định nhẫn vàng của bà T bị N chiếm đoạt nêu trên có trị giá 2.600.000 đồng (hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

Lần thứ mười: Vào cuối tháng 3/2023 (không xác định chính xác ngày), với thủ đoạn như các lần trước, Phạm Thị N lén lút chiếm đoạt của bà Trần Thị Thu T 01 (một) dây chuyền bằng vàng 18K, loại dẹp, khối lượng 01 chỉ, rồi mang đến hiệu vàng Vinh T bán cho bà Huỳnh Thị Diễm T được 3.000.000 đồng sử dụng tiêu xài. Quá trình điều tra vụ án, bà T không xác định được có mua dây chuyền vàng do N mang đến ban hay không, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được vật chứng. Qua

định giá, xác định dây chuyền vàng của bà T bị N chiếm đoạt nêu trên có trị giá 3.800.000 đồng (ba triệu tám trăm nghìn đồng).

Lần thứ mười một: Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 02/4/2023, với thủ đoạn như các lần trước, Phạm Thị N lén lút chiếm đoạt của bà Trần Thị Thu T 01 (một) dây chuyền kim loại màu vàng, có tem chữ Dây cọng bọng TKL 1,126 chỉ; 01 (một) dây chuyền kim loại màu vàng, có tem chữ Dây Than Ý 1 chỉ TKL 1,125 chỉ; 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng, đường kính 1,8cm, bên trong có chữ (Việt Phú 1 chỉ 99% Pleiku); 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng, đường kính 1,8cm, bên trong có chữ (Kim Việt Phú 5 phân 99% Pleiku); 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng, đường kính 2,4cm, có tem chữ Nhẫn Sư tử KLT 2c87. Các tài sản trên, N cất giấu vào túi áo khoác đang mặc trên người, rồi tiếp tục làm việc nhà cho gia đình bà T. Đến 05 giờ 35 phút cùng ngày, bà T phát hiện hệ thống camera an ninh tại hiệu vàng Kim V bị tắt nguồn, nên kiểm tra camera phụ thì phát hiện mắt camera gần quầy thu ngân đang bị cây chổi che khuất. Bà T nghi ngờ N đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của mình, nên trình báo vụ việc đến Công an phường T, TP.P; Công an phường T đưa N đến trụ sở để làm việc. Tại Công an phường T, biết không thể che giấu hành vi của bản thân nên N đã đầu thú về hành vi chiếm đoạt tài sản của bà T vào rạng sáng 02/4/2023 như nêu trên. Ngay sau đó, N đã giao nộp các tài sản vừa chiếm đoạt được cùng với 01 (một) chìa khóa kích thước (2x4,2)cm, có các ký tự "TRAD MARK EVERGOOD" và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo. Vụ việc sau đó được Công an phường T chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P xử lý.

Qua giám định, xác định các dây chuyền, nhẫn kim loại màu vàng Phạm Thị N chiếm đoạt của bà Trần Thị Thu T vào ngày 02/4/2023 là chất liệu vàng và có pha các kim loại khác (đồng, bạc). Qua định giá, xác định các tài sản trên có tổng trị giá 26.903.000 đồng (hai mươi sáu triệu chín trăm lẻ ba nghìn đồng). Sau khi giám định và định giá, Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại các tài sản trên cho bà T.

Quá trình điều tra vụ án, Phạm Thị N đã tự thú và khai nhận về 10 (mười) lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bà Trần Thị Thu T, trong thời gian từ tháng 01 đến tháng 3/2023.

Đối với đồ vật, tài sản thu giữ của Phạm Thị N, qua điều tra xác định: Chìa khóa kích thước (2x4,2)cm, có các ký tự "TRAD MARK EVERGOOD", là công cụ N đã sử dụng mở khoá tủ trưng bày vàng của bà Trần Thị Thu T để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản; điện thoại di động nhãn hiệu Oppo là tài sản của N, không liên quan đến hành vi chiếm đoạt tài sản của bà T. Cơ quan điều tra chuyển các đồ vật, tài sản trên theo vụ án để xử lý.

Về dân sự: Sau khi được nhận lại các tài sản bị Phạm Thị N chiếm đoạt vào ngày 02/4/2023, bà Trần Thị Thu T không có yêu cầu bồi thường gì khác về dân sự.

Tại bản Cáo trạng số 131/CT - VKS ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh G đã truy tố bị cáo Phạm Thị N về tội *"Trộm cắp tài*

sản" theo điểm c Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị tuyên bố:

Bị cáo Phạm Thị N phạm tội: *"Trộm cắp tài sản";*

Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Phạm Thị N từ: 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

-Về dân sự:

Bị cáo đã tiếp tục bồi thường số tiền 20.000.000đ tại Chi Cục Thi hành án dân sự TP.P, tỉnh G tại biên lai số 0000045 ngày 31/7/2023, tuy nhiên người bị hại chị Trần Thị Thu T từ chối không nhận số tiền do bị cáo N khắc phục hậu quả và không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự nên HĐXX sẽ trả lại số tiền này cho người đã nộp thay cho bị cáo Phạm Thị N là chị Phạm Thị Y (chị ruột của bị cáo N).

-Về xử lý vật chứng:

Tuyên trả lại cho bị cáo Phạm Thị N 01 điện thoại di động hiệu Oppo (theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan công an TP.P và Chi cục thi hành án dân sự TP.P)

Tuyên tịch thu tiêu hủy:

- 01(một) bì công văn niêm phong có dấu niêm phong của Công an TP.P, Công an phường T có chữ ký của Lê Đình T, Phạm Thị N, Trần Thị Thu T, Võ Quang H).

Người bào chữa trình bày lời bào chữa cho bị cáo.

Đồng ý với đề xuất của Viện kiểm sát nhân dân TP.Pleiku về tội danh và hình phạt, tuy nhiên bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ là đã đầu thú ra những lần phạm tội trước, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục được một phần hậu quả, việc bị hại không nhận là do ý chí của bị hại,tuy nhiên bị cáo đã ý thức được việc làm của mình nên nhờ người nhà khắc phục một phần hậu quả, vì vậy đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ thêm về phần hình phạt cho bị cáo Phạm Thị N.

Bị cáo không có có ý kiến bổ sung và tranh luận gì với Đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo được nói lời nói sau cùng:

- Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo được sớm quay về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố P trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo có lời khai hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ, biên bản đầu thú và các lời khai của người bị hại đã thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định Phạm Thị N là người giúp việc, trông coi nhà và ở lại tại nhà của gia đình bà Trần Thị Thu T ở số 40C đường Phan Đình P, Tổ 2 phường T, TP.P, tỉnh G; bà T là chủ hiệu vàng Kim V tại địa chỉ trên. Trong thời gian từ tháng 01/2023 đến ngày 02/4/2023, lợi dụng sự chủ quan, mất cảnh giác của bà T và gia đình bà T, vào thời gian sáng sớm N đã tắt nguồn điện hệ thống camera an ninh tại hiệu vàng, dùng chổi che mắt camera phụ, dùng chìa khoá cắt sẵn mở tủ trưng bày vàng và lén lút thực hiện 11 (mười một) lần chiếm đoạt tài sản là nữ trang bằng vàng các loại của bà T. Tổng trị giá tài sản Nghị chiếm đoạt của bà Thảo là 64.603.000 đồng (sáu mươi bốn triệu sáu trăm lẻ ba nghìn đồng). Ngày 02/4/2023, khi bị bà T nghi ngờ về hành vi chiếm đoạt tài sản và bị Công an phường T đưa về làm việc, N đã đầu thú, giao nộp các tài sản vừa chiếm đoạt cùng với chìa khoá là công cụ phạm tội; quá trình điều tra vụ án, N đã tự thú về các lần lén lút chiếm đoạt tài sản trước đó.

Vì vậy, việc Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo Phạm Thị N về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo điểm c Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, tuy nhiên chỉ vì thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, hành vi của bị cáo gây dư luận xấu trong xã hội đồng thời gây ảnh hưởng tình hình trật tự trị an tại địa phương, hành vi của bị cáo đã xâm phạm vào khách thể là tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, vì vậy cần thiết phải có một mức hình phạt thích đáng đối với bị cáo để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội sau này.

[4] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình để tích cực bồi thường cho người bị hại, tuy nhiên người bị hại từ chối không nhận, nhưng vẫn xem đây là tình tiết người bị hại khắc phục hậu quả, bị hại đã tự thú ra 10 lần phạm tội trước đây phạm tội, ngoài ra bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ "Đầu thú" theo khoản 2 Điều 51 BLHS, trên đây là những tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo, bị cáo phạm tội trong trường hợp này là phạm tội nhiều lần là tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS, HĐXX sẽ xem xét cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Mặc dù bị cáo phạm tội nhiều lần nhưng bị cáo không lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và không lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính cho bản thân, do vậy không truy tố bị cáo theo tình tiết định khung tăng nặng: "Có tính chất chuyên nghiệp" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 BLHS là có căn cứ.

[5] Đối với những người quản lý, chủ các hiệu vàng nơi bị cáo Phạm Thị N khai đã bán các tài sản là nữ trang bằng vàng chiếm đoạt được của bà Trần Thi Thu T, quá trình điều tra những người trên không xác định có mua tài sản do bị cáo N mang đến bán hay không, Cơ quan điều tra cũng không thu giữ được vật chứng tại các hiệu vàng này. Do vậy, không có căn cứ để xem xét, xử lý đối với các cá nhân trên trong vụ án này.

Đối với ông Nguyễn Quang T, là người được bị cáo N thuê cắt chìa khóa theo mẫu chìa do bị cáo cung cấp, qua điều tra xác định ông T không biết, không liên quan gì đến hành vi của bị cáo N trong vụ này, nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý là có căn cứ.

Đối với điện thoại di động hiệu Oppo kèm theo sim số là tài sản của bị cáo không liên quan gì đến hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo nên cần tuyên trả lại cho bị cáo Phạm Thị N.

Tuyên trả lại cho chị Phạm Thị Y (chị ruột của bị cáo Phạm Thị Nghị) số tiền 20.000.000đ (tiền do bị cáo Phạm Thị N nhờ gia đình nộp để khắc phục hậu quả) đã nộp tại Cơ quan THADS TP.P, tỉnh G.

[6] ***Về dân sự:***

Người bị hại Trần Thị Thu T không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] ***Về xử lý vật chứng:***

Tuyên tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) bì công văn niêm phong có dấu niêm phong của Công an TP.P, Công an phường T có chữ ký của Lê Đình T, Phạm Thị N, Trần Thị Thu T, Võ Quang H).

Tuyên trả lại cho bị cáo Phạm Thị N;

- 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Oppo, màu đen, kèm theo sim số (điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, Chi cục THADS không kiểm tra tình trạng bên trong).

Theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 13/7/2023 giữa Cơ quan CSĐT Công an TP.P với Chi cục thi hành án dân sự TP.P.

-Trả lại cho chị Phạm Thị Y số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), theo biên lai số 0000045 ngày 31/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự TP.P.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Thị N phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm b, r, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Phạm Thị N: 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày: 02/4/2023.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS năm 2015;

Tuyên tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) bì công văn niêm phong có dấu niêm phong của Công an TP.P, Công an phường T có chữ ký của Lê Đình T, Phạm Thị N, Trần Thị Thu T, Võ Quang H).

Tuyên trả lại cho bị cáo Phạm Thị N:

- 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen (điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong).

Theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 13/7/2023 giữa Cơ quan CSĐT Công an TP.P với Chi cục thi hành án dân sự TP.P.

-Trả lại cho chị Phạm Thị Y số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), theo biên lai số 0000045 ngày 31/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự TP.P.

4.Về án phí hình sự sơ thẩm:

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Phạm Thị N phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5.Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (16/8/2023) bị cáo Phạm Thị N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh G để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Riêng đối với những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-VKSND Tp. Pleiku;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

-Tòa án tỉnh Gia Lai;
-Chi cục THA dân sự TP. Pleiku;
-Đương sự;